

Số: 39/2019/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 17 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 533/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ L thống nhất thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 167/2018/QĐST – HNGĐ ngày 08/6/2018 xuống mức cấp dưỡng nuôi con chung là 650.000 đồng/tháng - Cụ thể: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 13/7/2013. Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu tính từ ngày 09/01/2019.

Anh Lê Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và

mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hòa giải thành là: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Lê Văn Đ tự nguyện nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020102 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Anh Đ còn nhận lại: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rên